**ĐẶC TẢ ĐỀ KIẾM TRA CUỐI KÌ I  
MÔN: TIN HỌC LỚP 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Chủ đề A: Máy tính và cộng đồng** | Sơ lược về lịch sử phát triển máy tính | **Nhận biết**  – Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển máy tính **(Câu 1,2,3,4,5,6).** | 6 (TN) |  |  |  |
| **2** | **Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin** | Đặc điểm của thông tin trong môi trường số | **Nhận biết**  – Nêu được các đặc điểm của thông tin số: đa dạng, được thu thập ngày càng nhanh và nhiều, được lưu trữ với dung lượng khổng lồ bởi nhiều tổ chức và cá nhân, có tính bản quyền, có độ tin cậy rất khác nhau, có các công cụ tìm kiếm, chuyển đổi, truyền và xử lí hiệu quả.  **(Câu 17,18,19,20,21,22)** | 6 (TN) |  |  |  |
| Thông tin với giải quyết vấn đề | **Thông hiểu**  – Xác định được lợi ích của thông tin tìm được trong giải quyết vấn đề, nêu được ví dụ minh hoạ. **(Câu 25,26)** |  | 2 (TN) |  |  |
| **3** | **Chủ đề D. Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số** | Đạo đức và văn hóa trong sử dụng công nghệ số | **Thông hiểu**  – Nhận biết và giải thích được một số biểu hiện vi phạm đạo đức và pháp luật, biểu hiện thiếu văn hoá khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số. Ví dụ: thu âm, quay phim, chụp ảnh khi không được phép, dùng các sản phẩm văn hoá vi phạm bản quyền, ... **(Câu 27,28)** |  | 2 (TN) |  |  |
| **4** | **Chủ đề E. Ứng dụng tin học** | Xử lí và trực quan hoá dữ liệu bằng bảng tính điện tử | **Nhận biết**  - Phân biệt được địa chỉ tương đối và địa chỉ tuyệt đối **(Câu 7,8)**  **-** Biết các chức năng cơ bản của sắp xếp và lọc dữ liệu **(Câu 9,10)**  **Thông hiểu**  – Giải thích được sự khác nhau giữa địa chỉ tương đối và địa chỉ tuyệt đối của một ô tính. **(Câu 11,12)**  – Giải thích được sự thay đổi địa chỉ tương đối trong công thức khi sao chép công thức. **(Câu 13,14)**  - Hiểu chức năng các loại biểu đồ cơ bản và cách tạo biểu đồ **(Câu 15,16,23,24)**  **Vận dụng cao**  – Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế. **(Câu 31)** | 4(TN) | 8(TN) |  |  |
| Soạn thảo văn bản và phần mềm trình chiếu nâng cao | **Vận dụng**  – Sử dụng được phần mềm soạn thảo:  + Thực hiện được các thao tác: chèn thêm, xoá bỏ, co dãn hình ảnh, vẽ hình đồ hoạ trong văn bản, tạo danh sách dạng liệt kê, đánh số trang, thêm đầu trang và chân trang. **(Câu 29, 30)** |  |  | 2(TL) |  |
| **Tổng** | | |  | **16 TN** | **12 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |